

XÁC ĐỊNH THỨ TỰ ƯU TIÊN CẦN CẢI TIẾN ĐỐI VỚI KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG TRONG CHĂN NUÔI HEO TẠI HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

● HOÀNG MẠNH DŨNG - DƯƠNG QUỐC HOÀNG - NGUYỄN VŨ MẠNH

TÓM TẮT:

Kiểm soát chất lượng (KSCL) là một phần của quản lý chất lượng tập trung vào thực hiện các yêu cầu chất lượng. KSCL bao gồm kiểm soát các quá trình tạo ra sản phẩm, dịch vụ thông qua kiểm soát các yếu tố như con người, máy móc, nguyên vật liệu, phương pháp, thông tin và môi trường làm việc. Để chăn nuôi heo có hiệu quả, đòi hỏi các trang trại cần phải thay đổi tư duy, đầu tư phát triển công nghệ hướng tới những sản phẩm sạch và an toàn. Kết quả của KSCL trong hoạt động chăn nuôi heo tại huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh nói riêng và cả nước nói chung, giúp chăn nuôi heo phát triển bền vững trong mọi bối cảnh. Bài viết bàn về xác định thứ tự ưu tiên cần cải tiến đối với kiểm soát chất lượng nuôi heo tại huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Từ khóa: kiểm soát chất lượng, chăn nuôi heo, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

1. Đặt vấn đề

Tính đến ngày 1/1/2022, tổng đàn heo nuôi trên địa bàn huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh (gọi tắt là huyện) là 42.057 con. Tỷ lệ chăn nuôi quy mô lớn và quy mô vừa so với tổng đàn gồm đàn heo đạt 73,59%, đàn trâu, bò đạt 14,27%, đàn gia cầm đạt 88,84%; còn lại là chăn nuôi quy mô nhỏ và chăn nuôi nông hộ. Huyện Dương Minh Châu được chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh và 24 cơ sở chăn nuôi heo được chứng nhận đạt tiêu chuẩn VietGAHP. Huyện có 3 dự án chăn nuôi heo được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư và đang

hoạt động với quy mô 9.300 con; 1 dự án chăn nuôi heo kết hợp chăn nuôi gà thịt, gà đẻ trứng của Công ty TNHH MTV TS Farm Việt Nam tại xã Phước Minh có quy mô 26.000 con heo, 60.000 gà thịt và 400.000 gà đẻ trứng. Sản phẩm chăn nuôi thịt heo của Huyện với sản lượng là 5.500 tấn/năm; bình quân khoảng 15 tấn/ngày. Trong những năm qua, mặc dù sản xuất nông nghiệp gặp nhiều khó khăn, dịch bệnh trên đàn vật nuôi xảy ra, diễn biến thời tiết bất thường và giá cả sản phẩm gia súc, gia cầm luôn biến động, nhưng ngành Chăn nuôi của Huyện vẫn phát triển ổn định. Giá trị sản xuất chăn nuôi

năm 2021 (theo giá cố định 2010): 933,5 tỷ đồng, tăng 5,4% so với năm 2020; tỷ trọng chăn nuôi trong giá trị sản xuất nông nghiệp chiếm 26,2%. Tuy nhiên, giá trị sản xuất chăn nuôi chưa tương xứng với tiềm năng phát triển; nguy cơ dịch bệnh, nhất là dịch bệnh dịch tả heo châu Phi làm tăng chi phí khi thực hiện các biện pháp phòng chống dịch. Giá thành sản xuất cao, giá sản phẩm đầu ra chưa ổn định, chưa có nhiều mô hình khép kín. Một số trại chăn nuôi trong quá trình xây dựng và hoạt động còn vi phạm pháp luật (không có giấy phép hoạt động, vi phạm mục đích sử dụng đất). Chăn nuôi heo có nơi hiện vẫn còn tình trạng gây ô nhiễm môi trường. Sự ra đời của thương hiệu Bapi - heo ăn chuỗi của Tập đoàn Hoàng Anh Gia Lai và thương hiệu heo ăn chay từ Công ty cổ phần BaF Việt Nam thuộc Tân Long Group đều xuất phát từ các phương thức chăn nuôi tuân thủ nghiêm ngặt các chuẩn mực theo GlobalGAP. Do vậy, KSCL trong chăn nuôi heo theo tiêu chuẩn VietGAHP tại huyện Dương Minh Châu là bước đi cơ bản và cấp bách trước những biến động của thời cuộc.

2. Tổ chức nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết nghiên cứu

Theo ISO 9000:2015, KSCL là một phần của quản lý chất lượng tập trung vào việc đáp ứng các yêu cầu về chất lượng. KSCL nhấn mạnh vào 3 khía cạnh: (1) Các yếu tố như quản lý công việc, các quy trình được xác định, các tiêu chí về hiệu suất, tính toàn vẹn và tính đồng nhất hóa; (2) Năng lực như kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm và bằng cấp; (3) Các yếu tố mềm như lòng chính trực, văn hóa tổ chức và các mối quan hệ chất lượng. KSCL bao gồm một hệ thống các hoạt động được hoạch định để theo dõi đánh giá chất lượng các công việc liên quan đến toàn bộ quá trình sản xuất. KSCL trong chăn nuôi heo theo tiêu chuẩn VietGAHP là tập trung vào việc đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, thông qua kiểm soát các yếu tố như cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, con giống, thức ăn chăn nuôi, các yếu tố về kỹ thuật, quản lý chất thải, bảo vệ môi trường và ghi chép, lưu trữ hồ sơ, truy nguyên nguồn gốc và thu hồi sản phẩm. Các văn bản pháp luật hiện hành dùng làm cơ sở để KSCL gồm:

- ❖ Luật số 55/2010/QH12 của Quốc hội ngày 17/6/2010 do Chủ tịch Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ 7 ban hành Luật An toàn thực phẩm;

- ❖ Thông tư số 04/2010/TT-BNNPTNT ngày 15/1/2010 của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn (NN&PTNT) ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện trại chăn nuôi heo ATSH;

- ❖ Quyết định số 4653/2015/QĐ-BNN-CN ngày 15/10/2015 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT ban hành Quy trình chăn nuôi tốt (VietGAHP - Good Animal Husbandry Practices for swine in Vietnam).

- ❖ Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ NN&PTNT ban hành quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ NN&PTNT (gọi tắt là Thông tư 38).

KSCL trong chăn nuôi heo trên cơ sở đánh giá hàng năm với các hình thức như sau:

- *Lỗi nhẹ*: Là sai lệch so với quy chuẩn kỹ thuật, có ảnh hưởng đến an toàn thực phẩm hoặc gây trở ngại cho việc kiểm soát an toàn thực phẩm nhưng chưa đến mức nặng.

- *Lỗi nặng*: Là sai lệch so với quy chuẩn kỹ thuật, nếu kéo dài sẽ gây mất an toàn thực phẩm nhưng chưa tới mức nghiêm trọng.

- *Lỗi nghiêm trọng*: Là sai lệch so với quy chuẩn kỹ thuật, gây mất an toàn thực phẩm, ảnh hưởng tới sức khỏe của người tiêu dùng.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính mang ý nghĩa khám phá thông qua diễn dịch và qui nạp. Khi phân tích dữ liệu thứ cấp, bài viết sử dụng phương pháp thống kê, so sánh và phân tích - tổng hợp để hình thành kết quả nghiên cứu. Dữ liệu được tổng hợp từ các trang trại chăn nuôi heo trên địa bàn huyện và tiến hành thu thập từ ngày 1/5/2022 đến 14/8/2022, bởi Phòng NN&PTNT huyện với tổng số trang trại khảo sát như Bảng 1.

3. Kết quả và thảo luận kết quả nghiên cứu

3.1. Kết quả kiểm soát chất lượng trong chăn nuôi heo tại huyện (2017-2021)

Để đánh giá được kết quả KSCL trong chăn nuôi heo tại huyện; bài viết đã thu thập được dữ liệu của 11 yếu tố đang được triển khai và có đầy

Bảng 1. Số trang trại khảo sát phục vụ nghiên cứu

Số trang trại khảo sát (Giai đoạn 2017 đến 2021)	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
	49	83	119	119	119
Tỷ lệ khảo sát	100%	100%	100%	100%	100%

Nguồn: Các tác giả tổng hợp, 2022.

đủ minh chứng cụ thể. Riêng 3 yếu tố chưa được phân tích do huyện tổ chức thẩm định, đánh giá theo chỉ tiêu của Thông tư số 38. (Bảng 2, Bảng 3, Bảng 4, Bảng 5, Bảng 6, Bảng 7, Bảng 8, Bảng 9, Bảng 10, Bảng 11, Bảng 12, Bảng 13)

3.2. Thảo luận kết quả kiểm soát chất lượng trong chăn nuôi heo tại huyện (2017-2021)

Thông qua KSCL trong chăn nuôi heo theo VietGAHP đã đạt được kết quả nhờ vào:

- Ý thức của người dân trong sản xuất vật nuôi

Bảng 2. Kết quả kiểm soát chất lượng yếu tố “địa điểm” tại huyện (2017-2021)

Kết quả	Năm					Trung bình giai đoạn	Tỷ lệ trong giai đoạn
	2017	2018	2019	2020	2021		
Đạt	26	48	75	78	87	62,8	64,21%
Lỗi nhẹ	18	27	32	30	25	26,4	26,99%
Lỗi nặng	5	8	12	11	7	8,6	8,79%
Lỗi nghiêm trọng	-	-	-	-	-	-	-

Nguồn: Các tác giả tổng hợp, 2022.

Bảng 3. Kết quả kiểm soát chất lượng yếu tố “Bố trí khu chăn nuôi” tại huyện (2017-2021)

Kết quả	Năm					Trung bình giai đoạn	Tỷ lệ trong giai đoạn
	2017	2018	2019	2020	2021		
Đạt	39	68	95	95	97	78,8	80,57%
Lỗi nhẹ	8	12	19	18	21	15,6	15,95%
Lỗi nặng	2	3	5	6	1	3,4	3,48%
Lỗi nghiêm trọng	-	-	-	-	-	-	-

Nguồn: Các tác giả tổng hợp, 2022.

Bảng 4. Kết quả kiểm soát chất lượng yếu tố “Chuồng trại và thiết bị chăn nuôi” tại huyện (2017-2021)

Kết quả	Năm					Trung bình giai đoạn	Tỷ lệ trong giai đoạn
	2017	2018	2019	2020	2021		
Đạt	39	70	98	98	101	81,2	83,03%
Lỗi nhẹ	9	10	19	20	18	15,2	15,54%
Lỗi nặng	1	3	2	1	0	1,4	1,43%
Lỗi nghiêm trọng	-	-	-	-	-	-	-

Nguồn: Các tác giả tổng hợp, 2022.

**Bảng 5. Kết quả kiểm soát chất lượng yếu tố “Giống và quản lý chăn nuôi”
tại huyện (2017-2021)**

Kết quả	Năm					Trung bình giai đoạn	Tỷ lệ trong giai đoạn
	2017	2018	2019	2020	2021		
Đạt	46	81	116	116	116	95	97,14%
Lỗi nhẹ	3	2	3	3	3	2.8	2,86%
Lỗi nặng	-	-	-	-	-	0	0,00%
Lỗi nghiêm trọng	-	-	-	-	-	-	-

Nguồn: Các tác giả tổng hợp, 2022.

Bảng 6. Kết quả kiểm soát chất lượng yếu tố “Vệ sinh chăn nuôi” tại huyện (2017-2021)

Kết quả	Năm					Trung bình giai đoạn	Tỷ lệ trong giai đoạn
	2017	2018	2019	2020	2021		
Đạt	49	83	119	119	119	97,8	100%
Lỗi nhẹ	-	-	-	-	-	-	-
Lỗi nặng	-	-	-	-	-	-	-
Lỗi nghiêm trọng	-	-	-	-	-	-	-

Nguồn: Các tác giả tổng hợp, 2022.

**Bảng 7. Kết quả kiểm soát chất lượng yếu tố “Quản lý thức ăn và nước uống trong chăn nuôi”
tại huyện (2017-2021)**

Kết quả	Năm					Trung bình giai đoạn	Tỷ lệ trong giai đoạn
	2017	2018	2019	2020	2021		
Đạt	39	75	107	105	113	87,8	89,78%
Lỗi nhẹ	10	8	12	14	6	10	10,22%
Lỗi nặng	-	-	-	-	-	-	-
Lỗi nghiêm trọng	-	-	-	-	-	-	-

Nguồn: Các tác giả tổng hợp, 2022.

Bảng 8. Kết quả kiểm soát chất lượng yếu tố “Quản lý dịch bệnh” tại huyện (2017-2021)

Kết quả	Năm					Trung bình giai đoạn	Tỷ lệ trong giai đoạn
	2017	2018	2019	2020	2021		
Đạt	41	77	110	107	114	89,8	91,82%
Lỗi nhẹ	8	6	9	12	5	8	8,18%
Lỗi nặng	-	-	-	-	-	-	-
Lỗi nghiêm trọng	-	-	-	-	-	-	-

Nguồn: Các tác giả tổng hợp, 2022.

Bảng 9. Kết quả kiểm soát chất lượng yếu tố “Quản lý chất thải và bảo vệ môi trường” tại huyện (2017-2021)

Kết quả	Năm					Trung bình giai đoạn	Tỷ lệ trong giai đoạn
	2017	2018	2019	2020	2021		
Đạt	32	65	94	105	112	81,6	83,44%
Lỗi nhẹ	12	14	18	11	5	12	12,27%
Lỗi nặng	5	4	7	3	2	4,2	4,29%
Lỗi nghiêm trọng	-	-	-	-	-	-	-

Nguồn: Các tác giả tổng hợp, 2022.

Bảng 10. Kết quả kiểm soát chất lượng yếu tố “Kiểm soát động vật và côn trùng gây hại” tại huyện (2017-2021)

Kết quả	Năm					Trung bình giai đoạn	Tỷ lệ trong giai đoạn
	2017	2018	2019	2020	2021		
Đạt	23	56	82	80	89	66	67,48%
Lỗi nhẹ	19	18	23	25	24	21,8	22,29%
Lỗi nặng	7	9	14	14	6	10	10,22%
Lỗi nghiêm trọng	-	-	-	-	-	-	-

Nguồn: Các tác giả tổng hợp, 2022.

Bảng 11. Kết quả kiểm soát chất lượng yếu tố “Quản lý nhân sự” tại huyện (2017-2021)

Kết quả	Năm					Trung bình giai đoạn	Tỷ lệ trong giai đoạn
	2017	2018	2019	2020	2021		
Đạt	23	50	73	67	72	57	53,47%
Lỗi nhẹ	12	16	25	31	28	31,2	29,27%
Lỗi nặng	14	17	21	21	19	18,4	17,26%
Lỗi nghiêm trọng	-	-	-	-	-	-	-

Nguồn: Các tác giả tổng hợp, 2022.

Bảng 12. Kết quả kiểm soát chất lượng yếu tố “Ghi chép, lưu trữ hồ sơ, truy nguyên nguồn gốc và thu hồi sản phẩm” tại huyện (2017-2021)

Kết quả	Năm					Trung bình giai đoạn	Tỷ lệ trong giai đoạn
	2017	2018	2019	2020	2021		
Đạt	6	18	40	57	68	37,8	38,65%
Lỗi nhẹ	9	13	24	45	47	27,6	28,22%
Lỗi nặng	34	52	55	17	4	32,4	33,13%
Lỗi nghiêm trọng	-	-	-	-	-	-	-

Nguồn: Các tác giả tổng hợp, 2022.

từng bước được nâng cao. Sản xuất theo VietGAHP đã giúp nông dân đáp ứng yêu cầu của thị trường về an toàn thực phẩm, có cơ hội mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm và kiểm soát tốt dịch bệnh.

- Các cơ sở áp dụng KSCL theo VietGAHP được hỗ trợ liên kết tiêu thụ sản phẩm. Sản phẩm trong chăn nuôi có đầu ra ổn định (như đưa sản phẩm vào hệ thống siêu thị Coopmart, TaniGAP, Bách Hóa Xanh, chuỗi cửa hàng tiện lợi Satrafood; các công ty: VinGroup, Việt Mã, Natani, Tanifood, Lavifood, Laviseed). Qua đó góp phần ổn định thu nhập của người dân.

- Các cơ sở áp dụng KSCL dựa theo VietGAHP góp phần thay đổi tập quán canh tác, đầu tư hệ thống xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu góp phần giảm các tác nhân gây ô nhiễm môi trường từ sản xuất nông nghiệp; đồng thời tạo ra nguồn cung sản phẩm nông nghiệp an toàn, đảm bảo sức khỏe cho người tiêu dùng.

Bên cạnh những kết quả đạt được cũng tồn tại những mặt chưa hoàn thiện bao gồm:

- Đầu tư vào KSCL trong chăn nuôi heo chưa tương xứng với tiềm năng phát triển; nguy cơ dịch bệnh sẵn sàng làm tăng chi phí với biện pháp phòng chống dịch.

- Đầu tư vào KSCL trong chăn nuôi heo dẫn đến giá thành sản xuất cao, giá sản phẩm đầu ra chưa ổn định, chưa có nhiều mô hình khép kín; chưa thu hút được DN giết mổ, chế biến, tiêu thụ sản phẩm có năng lực làm nhiệm vụ dẫn dắt toàn bộ hoạt động chuỗi giá trị chăn nuôi từ khâu giống, thức ăn, thuốc thú y, liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp - doanh nghiệp; doanh nghiệp - hợp tác xã, nông hộ.

- Trong quá trình KSCL chăn nuôi heo theo VietGAHP cũng phát hiện một số trại chăn nuôi trong quá trình xây dựng và hoạt động còn vi phạm pháp luật lẫn còn tình trạng gây ô nhiễm môi trường.

Bảng 13. Xếp hạng thứ tự ưu tiên cần khắc phục đối với kiểm soát chất lượng trong chăn nuôi heo theo VietGAHP tại huyện (2017-2021)

Yếu tố	Lỗi nặng		Lỗi nhẹ		Thứ tự ưu tiên khắc phục
	Tỷ lệ	Hạng	Tỷ lệ	Hạng	
Quản lý vận chuyển	Chưa triển khai đồng bộ trên phạm vi toàn huyện				1
Tự kiểm tra					
Khiếu nại và giải quyết khiếu nại					
Ghi chép, lưu trữ hồ sơ, truy nguyên nguồn gốc và thu hồi sản phẩm	33,13%	4	28,22%	✓	4
Quản lý nhân sự	17,26%	5	29,27%	✓	5
Kiểm soát động vật và côn trùng gây hại	10,22%	6	22,29%	✓	6
Địa điểm	8,79%	7	26,99%	✓	7
Quản lý chất thải và bảo vệ môi trường	4,29%	8	12,27%	✓	8
Bố trí khu chăn nuôi	3,48%	9	15,95%	✓	9
Chuồng trại và thiết bị chăn nuôi	1,43%	10	15,54%	✓	10
Quản lý thức ăn và nước uống	0,00%	✓	10,22%	11	11
Quản lý dịch bệnh	0,00%	✓	8,18%	12	12
Giống và quản lý chăn nuôi	0,00%	✓	2,86%	13	13
Vệ sinh chăn nuôi	0,00%	✓	0,00%	14	14

Nguồn: Các tác giả tổng hợp, 2022.

Nhằm phát triển các giống heo cao sản theo hướng trang trại công nghiệp; đồng thời mở rộng quy mô đàn heo chăn nuôi theo hướng truyền thống với các giống heo bản địa, heo lai giữa giống cao sản và giống bản địa, từng bước phát triển chăn nuôi heo hữu cơ tại huyện; phấn đấu năm 2025 với tổng đàn heo duy trì thường xuyên ở quy mô trung bình 55.000 con; đàn heo được nuôi trang trại chiếm 90%; năm 2030 với tổng đàn heo duy trì thường xuyên ở quy mô trung bình 57.000 con; đàn heo được nuôi trang trại chiếm 95%; Huyện cần tập trung tập trung khắc phục các yếu tố trong KSCL chăn nuôi heo theo Quyết định số 4653/2015/QĐ-BNN-CN ngày 15 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT như trình bày tại Bảng 13.

4. Kết luận

Xác định thứ tự ưu tiên cần cải tiến đối với KSCL trong chăn nuôi heo tại huyện Dương Minh

Châu sẽ góp phần nâng cao hiệu quả trong quá trình phát triển trang trại chăn nuôi công nghiệp, sản xuất an toàn nhằm nâng cao sức cạnh tranh của ngành Chăn nuôi. Hướng đến năm 2030, sản xuất chăn nuôi của Huyện thuộc nhóm khá trong tỉnh. Kết quả nghiên cứu giúp tham mưu UBND huyện triển khai thực hiện các chương trình, đề án, chính sách của cấp trên; kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị và các xã, thị trấn triển khai thực hiện nội dung chỉ đạo chăn nuôi theo VietGAHP; hỗ trợ hoạt động đánh giá theo định kỳ cũng như bổ sung kế hoạch cho phù hợp với điều kiện thực tế. Ngoài ra cung cấp cơ sở phối hợp với Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện, UBND các xã, thị trấn hướng dẫn về quy trình kỹ thuật chăn nuôi; quy trình kỹ thuật phòng, chống dịch bệnh cho chăn nuôi heo; thực hiện các đề án, dự án, mô hình phát triển chăn nuôi heo cũng như nhân rộng mô hình chăn nuôi heo trên địa bàn huyện có hiệu quả ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2015). *Quyết định số 4653/QĐ-BNN-CN ngày 10/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy trình thực hành chăn nuôi tốt (VietGAHP)*.
2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2018). *Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*.
3. Hoàng Mạnh Dũng (2019). *Quản trị chất lượng*. Trường Đại học Thủ Dầu Một. Bình Dương.
4. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2022). *Các báo cáo về kiểm soát chất lượng các trang trại chăn nuôi heo trên địa bàn huyện Dương Minh Châu từ 2017 đến 2022*. Tây Ninh.
5. Quốc hội (2018). *Luật số 32/2018/QH14 ban hành ngày 19/11/2018 về Luật Chăn nuôi và Nghị định của Chính phủ số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/1/2020 Hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi*.
6. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (2021). *Báo cáo tổng kết thực hiện Đề án Phát triển chăn nuôi heo trên địa bàn tỉnh Tây Ninh nâng cao hiệu quả kinh tế theo hướng VietGAHP đến năm 2020*. Tây Ninh.
7. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (2020). *Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện VietGAP trước khi ban hành chính sách hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt giai đoạn 2021-2025*. Tây Ninh.
8. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2019). *Báo cáo thực hiện Đề án phát triển chăn nuôi heo trên địa bàn tỉnh Tây Ninh nâng cao hiệu quả kinh tế*. Tây Ninh.
9. Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 (2015). *Hệ thống quản lý chất lượng - Các yêu cầu*. Bộ Khoa học và Công nghệ. Hà Nội.
10. Ủy ban Nhân dân huyện Dương Minh Châu (2020). *Kế hoạch phát triển chăn nuôi trên địa bàn huyện Dương Minh Châu Giai đoạn 2021 - 2030*. Tây Ninh.

Ngày nhận bài: 13/9/2022

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 5/10/2022

Ngày chấp nhận đăng bài: 15/10/2022

Thông tin tác giả:

1. TS. HOÀNG MẠNH DŨNG¹

2. ThS. DƯƠNG QUỐC HOÀNG²

3. Kỹ sư NGUYỄN VŨ MẠNH³

¹Khoa Tài chính - QTKD, Trường Đại học Hùng Vương TP. Hồ Chí Minh

²Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Tây Ninh. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Tây Ninh

³Đảng ủy xã Suối Đá, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh

**DETERMINING THE ORDER OF PRIORITIES
FOR IMPROVING THE QUALITY CONTROL IN HOG FARMING
IN DUONG MINH CHAU DISTRICT, TAY NINH PROVINCE**

- Ph.D **HOANG MANH DUNG¹**
- Master. **DUONG QUOC HOANG²**
- Eng. **NGUYEN VU MANH³**

¹Faculty of Finance - Business Administration, Hung Vuong University

²Tay Ninh Province Sub-Department of Animal Husbandry and Veterinary
Medicine, Tay Ninh Province Department of Agriculture and Rural Development

³Suoi Da Commune Party Committee, Duong Minh Chau district,
Tay Ninh province

ABSTRACT:

Quality control is a part of quality management that focuses on fulfilling quality requirements. Quality control manages the processes of manufacturing products and providing services through controlling factors such as human resources, machines, materials, production methods, information and working environment. To enhance the production performance of hog farming, hog farms should change their thinking and invest in modern technology to produce clean and safe products. The implementation of quality control activities at pork farms in Duong Minh Chau district, Tay Ninh province and at other pork farms across the country has supported the sustainable development of Vietnam's hog farming. This study is to identify the order of priorities for improving the quality control in hog farming in Duong Minh Chau district, Tay Ninh province.

Keywords: quality control, hog farming, Duong Minh Chau district, Tay Ninh province.